

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Trí	Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Suân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hoà	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Văn Hạng	Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Trung Trí	Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Phạm Minh Kiệt	Phó Giám đốc	
Ông Khương Đình Tân	Phó Giám đốc	
Ông Trần Minh Tân	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Trần Quốc Huy	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đã ký mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Minh Tân
Phó Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2011

Số: *MM* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 17. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu chưa được soát xét của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 do đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính bán niên được soát xét.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ. 0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		581.993.074.112	423.193.335.916
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.452.110.376	13.707.746.167
1. Tiền	111		4.498.119.132	13.707.746.167
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.953.991.244	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		394.052.252.100	230.222.159.437
1. Phải thu khách hàng	131		295.397.448.505	147.349.873.677
2. Trả trước cho người bán	132		97.095.877.233	75.990.464.115
3. Các khoản phải thu khác	135		3.368.382.041	7.231.693.784
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.809.455.679)	(349.872.139)
III. Hàng tồn kho	140	6	146.980.945.249	160.064.835.409
1. Hàng tồn kho	141		146.980.945.249	160.064.835.409
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.507.766.387	19.198.594.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.055.674.154	1.192.031.642
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	7	8.181.261.264	4.974.631.160
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	97.451.774	599.855.925
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	10.173.379.195	12.432.076.176
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		168.281.976.851	162.372.474.690
I. Tài sản cố định	220		165.291.457.832	158.042.367.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	52.080.917.403	53.943.317.094
- Nguyên giá	222		67.141.365.403	64.945.179.359
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.060.448.000)	(11.001.862.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	49.356.346.796	49.389.899.306
- Nguyên giá	228		49.460.560.800	49.460.560.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.214.004)	(70.661.494)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	63.854.193.633	54.709.151.151
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.990.519.019	4.330.107.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.990.519.019	4.330.107.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		750.275.050.963	585.565.810.606

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		608.257.964.414	457.056.075.375
I. Nợ ngắn hạn	310		608.172.663.293	456.970.774.254
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	109.405.382.210	69.733.721.660
2. Phải trả người bán	312		97.366.612.653	99.578.120.710
3. Người mua trả tiền trước	313		222.520.328.227	234.870.056.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	18.922.971.263	5.430.495.383
5. Phải trả người lao động	315		2.684.168.419	4.153.089.922
6. Chi phí phải trả	316		65.994.097.282	26.651.686.043
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	91.205.103.239	12.661.545.642
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		74.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	3.892.058.450
II. Nợ dài hạn	330		85.301.121	85.301.121
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		85.301.121	85.301.121
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		142.017.086.549	128.509.735.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	142.017.086.549	128.509.735.231
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.594.365.463	955.715.523
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.769.202.376	2.559.959.047
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.526.966.221	18.867.508.172
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		750.275.050.963	585.565.810.606



Trần Minh Tân
 Phó Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2011

llkar

Lê Trần Huyền Trân
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	495.343.723.781	142.967.603.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	(26.859.810)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	16	495.316.863.971	142.967.603.060
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	447.255.653.596	133.802.101.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		48.061.210.375	9.165.501.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		731.435.078	1.730.655.068
7. Chi phí tài chính	22		3.820.099.998	47.394.470
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.820.099.998	47.394.470
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.312.426.306	2.815.804.263
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-25}	30		31.660.119.149	8.032.957.910
10. Thu nhập khác	31		14.401.055	9.450.000
11. Chi phí khác	32		4.550.088	211.417
12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		9.850.967	9.238.583
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		31.669.970.116	8.042.196.493
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	3.166.997.012	804.639.672
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		28.502.973.104	7.237.556.821
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	2.850	1.651



Trần Minh Tân
Phó Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2011

Lê Trần Huyền Trân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		31.669.970.116	8.042.196.493
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.092.138.245	2.863.352.401
- Các khoản dự phòng	03	1.459.583.540	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(731.435.078)	(1.730.655.068)
- Chi phí lãi vay	06	3.820.099.998	47.394.470
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.310.356.821	9.222.288.296
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(165.242.075.332)	19.086.641.766
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	13.083.890.160	(9.769.057.893)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	94.180.082.403	40.689.036.029
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(1.309.171.484)	(3.540.200.970)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.113.099.998)	(47.394.470)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.562.000.737)	(469.725.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.652.018.167)	55.171.586.841
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.647.638.252)	(87.988.992.117)
2. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	731.435.078	1.730.655.068
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.916.203.174)	(86.258.337.049)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	172.752.827.699	8.271.386.331
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.081.167.149)	(5.919.386.331)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(1.359.075.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.312.585.550	2.352.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.744.364.209	(28.734.750.208)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.707.746.167	65.061.106.564
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.452.110.376	36.326.356.356



Trần Minh Tân
 Phó Giám đốc

Lê Trần Huyền Trân
 Kế toán trưởng

Ngày 11 tháng 8 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 2000492299 ngày 16 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 là 100 tỷ đồng, tương ứng với 10.000.000 cổ phần. Trong đó, số cổ phần được quyền chào bán là 6.745.000 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty Mẹ) của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty Mẹ là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 376 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 432 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị;
- Tư vấn đầu tư xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí;
- Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất. Tàng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí;
- Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp. Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn. Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy. Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng;
- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng;
- Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của các công trình đang thi công còn dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong kỳ sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 30/6/2011
(số năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4
Tài sản cố định hữu hình khác	4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà khả năng thu được là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ. Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000040 ngày 05 tháng 6 năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh của dự án “Đầu tư phát triển công ty và mua sắm máy móc, trang thiết bị cơ giới”. Sau thời hạn được hưởng mức thuế suất ưu đãi, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất hiện hành là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2008 và năm 2009) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại nào do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.703.369.505	2.261.669.980
Tiền gửi ngân hàng	2.794.749.627	11.446.076.187
Các khoản tương đương tiền	15.953.991.244	-
	20.452.110.376	13.707.746.167

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.218.606.919	7.848.393.146
Công cụ, dụng cụ	21.504.000	43.561.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	133.424.725.981	151.156.603.908
Thành phẩm	316.108.349	1.016.276.719
Cộng	146.980.945.249	160.064.835.409
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	146.980.945.249	160.064.835.409

7. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.181.261.264	4.974.631.160
Khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	97.451.774	599.855.925
	8.278.713.038	5.574.487.085

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	375.000	19.228.873
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên (i)	7.664.099.082	12.362.916.045
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.508.905.113	49.931.258
	10.173.379.195	12.432.076.176

(i) Số dư tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 chủ yếu là tạm ứng cho các Đội Xây dựng. Đến thời điểm cuối kỳ, một số khoản tạm ứng đã được các đội hoàn chứng từ cho Công ty, Công ty đã ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tương ứng với phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	24.617.628.680	13.010.178.745	23.723.096.494	3.442.437.940	151.837.500	64.945.179.359
Tăng trong kỳ	595.921.437	1.132.060.972	-	437.183.699	31.019.936	2.196.186.044
- Mua trong kỳ	-	1.132.060.972	-	437.183.699	31.019.936	1.600.264.607
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	595.921.437	-	-	-	-	595.921.437
Tại ngày 30/6/2011	25.213.550.117	14.142.239.717	23.723.096.494	3.879.621.639	182.857.436	67.141.365.403
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	1.220.241.242	2.688.319.422	6.089.622.889	950.491.213	53.187.499	11.001.862.265
Tăng trong kỳ	614.392.535	1.043.629.056	1.946.786.718	431.026.431	22.750.995	4.058.585.735
- Khấu hao trong kỳ	614.392.535	1.043.629.056	1.946.786.718	431.026.431	22.750.995	4.058.585.735
Tại ngày 30/6/2011	1.834.633.777	3.731.948.478	8.036.409.607	1.381.517.644	75.938.494	15.060.448.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	23.378.916.340	10.410.291.239	15.686.686.887	2.498.103.995	106.918.942	52.080.917.403
Tại ngày 31/12/2010	23.397.387.438	10.321.859.323	17.633.473.605	2.491.946.727	98.650.001	53.943.317.094

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	49.101.250.000	359.310.800	49.460.560.800
Tại ngày 30/6/2011	49.101.250.000	359.310.800	49.460.560.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	70.661.494	70.661.494
Tăng trong kỳ	-	33.552.510	33.552.510
Khấu hao trong kỳ	-	33.552.510	33.552.510
Tại ngày 30/6/2011	-	104.214.004	104.214.004
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	49.101.250.000	255.096.796	49.356.346.796
Tại ngày 31/12/2010	49.101.250.000	288.649.306	49.389.899.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Số dư đầu kỳ	54.709.151.151	16.466.537.929
Tăng	9.740.963.919	61.781.527.439
Kết chuyển sang tài sản cố định	(595.921.437)	(13.372.004.210)
Giảm khác	-	(10.166.910.007)
Số dư cuối kỳ	63.854.193.633	54.709.151.151

Giá trị Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là giá trị “Khu Phục hợp Thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu” đang được Công ty đầu tư xây dựng.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - chi nhánh Cà Mau (i)	65.405.382.210	27.733.721.660
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	42.000.000.000	42.000.000.000
Khác	2.000.000.000	-
	109.405.382.210	69.733.721.660

(i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 076/2010/HĐTDHM/OJB-CM ngày 18 tháng 8 năm 2010 với hạn mức vay là 90 tỷ đồng, thời hạn từng khế ước là 6 tháng, mức lãi suất là 16,5%/năm. Khoản vay này được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế theo từng khế ước.

(ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010/HĐTDNH-TCDK-CNCT ngày 08 tháng 7 năm 2010 với hạn mức vay là 42 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mức lãi suất là 15,5%/năm. Khoản vay này được dùng để thanh toán tiền ứng trước mua tài sản tại Cần Thơ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đầu tư.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	16.796.702.677	3.948.102.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	1.842.248.641	1.313.097.467
Thuế thu nhập cá nhân (i)	284.019.945	-
Các loại thuế khác	-	169.295.274
	18.922.971.263	5.430.495.383

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Công ty tạm tính, số thuế phải nộp chính thức sẽ được xác định sau khi có quyết toán thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	350.557.599	171.499.158
Bảo hiểm xã hội	205.229.888	62.003.554
Bảo hiểm y tế	41.158.036	11.998.777
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	2.730.300.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	77.500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.377.857.716	12.416.044.153
	91.205.103.239	12.661.545.642

- (i) Bao gồm khoản tiền Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chuyển trước cho Công ty để tăng vốn điều lệ nhưng chưa có văn bản chính thức về việc tăng vốn điều lệ với số tiền là 70 tỷ VND và khoản phải trả cổ tức năm 2010 là 7.500.000.000 VND.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận sau thuế
	VND	của chủ sở hữu	phát triển	tài chính	chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	-	3.806.580.128	874.272.543	16.856.865.040
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.184.866.586
Phân chia các quỹ	-	-	3.275.687.884	1.685.686.504	(14.217.321.584)
Tăng/(giảm) khác	-	6.126.552.489	(6.126.552.489)	-	67.215.774
Trả cổ tức	-	-	-	-	(8.024.117.644)
Số dư tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	6.126.552.489	955.715.523	2.559.959.047	18.867.508.172
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	28.502.973.104
Phân chia các quỹ (i)	-	-	2.638.649.940	1.209.243.329	(3.800.292.398)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	(43.222.657)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(15.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	100.000.000.000	6.126.552.489	3.594.365.463	3.769.202.376	28.526.966.221

- (i): Phân phối lợi nhuận năm 2010 được thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐTDKCM-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Số cổ tức còn phải trả cho các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với số tiền 13.640.925.000 VND đang được theo dõi trên các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp đến	
	đăng ký kinh doanh		ngày 30/06/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	50.000.000.000	50	50.000.000.000	50
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau	2.500.000.000	2,5	2.500.000.000	2,5
Bà Lê Trần Huyền Trân	50.000.000	0,05	50.000.000	0,05
Các cổ đông khác	47.450.000.000	47,45	47.450.000.000	47,45
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	495.343.723.781	142.967.603.060
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>482.089.683.156</i>	<i>133.261.555.581</i>
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	<i>7.624.504.156</i>	<i>8.561.363.032</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.621.162.446</i>	<i>1.144.684.447</i>
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	<i>8.374.023</i>	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.859.810	-
<i>Giảm giá hàng bán - tư vấn</i>	<i>26.859.810</i>	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	495.316.863.971	142.967.603.060

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	435.925.208.271	125.635.021.133
Giá vốn hoạt động tư vấn	6.823.885.177	6.856.268.092
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.506.560.148	1.310.812.260
	447.255.653.596	133.802.101.485

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	31.669.970.116	8.042.196.493
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	4.200.227
Thu nhập chịu thuế	31.669.970.116	8.046.396.720
Thuế suất thông thường (i)	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.166.997.012	804.639.672

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh của dự án “Đầu tư phát triển công ty và mua sắm máy móc, trang thiết bị cơ giới”. Sau thời hạn được hưởng mức thuế suất ưu đãi, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất hiện hành là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2008 và 2009) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.502.973.104	7.237.556.821
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.502.973.104	7.237.556.821
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	4.382.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.850	1.651
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 25 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng Hợp tác đầu tư và nhận chuyển giao quyền sử dụng đất số 176/HĐ.KDN với Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà Thành phố Cần Thơ với giá trị 41.303.250.000 VND. Công ty đã tạm ứng trước cho Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà Thành phố Cần Thơ 29 tỷ đồng, giá trị còn lại 12.303.250.000 VND sẽ được thanh toán trong 6 tháng cuối năm 2011. Sau khi thanh toán hết, bên bán sẽ bàn giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-
Ban Quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	311.607.807.296	49.093.011.904
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	40.604.094.080	32.239.567.960
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	19.317.191.310	4.418.590.993
Ban Quản lý dự án tổ hợp Thương mại Cừ Long - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	71.247.884.064
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	365.237.146	816.931.959
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	149.835.905
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	2.615.900.249
Mua hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.869.372.569	1.376.506.933
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.161.008.000	862.648.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Ban Quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	37.727.395.035	5.661.403.205
Ban Quản lý dự án tổ hợp Thương mại Cừu Long - Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	7.721.141.589	40.013.193.772
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí - chi nhánh Cà Mau	-	1.030.545.493
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	47.145.134.157	38.710.254.825
Khách hàng ứng trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	219.613.698	1.490.027.547
Ban Quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau	2.909.814.000	147.664.541.807
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	873.969.000	873.969.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	70.000.000.000	-
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ	42.000.000.000	42.000.000.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	82.126.102.463	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Cà Mau	559.567.028	237.808.209
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	2.730.300.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Cà Mau	39.212.900	1.092.943.275

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐTDKCM-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011, Công ty đang thực hiện các thủ tục tăng Vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng. Đối tượng phát hành là toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm Công ty chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (cứ mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có quyền mua thêm 04 cổ phần mới). Mục đích sử dụng vốn là để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư các dự án của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ và thủ tục pháp lý để niêm yết toàn bộ số cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 chưa được soát xét.



Trần Minh Tân
Phó Giám đốc

Lê Trần Huyền Trân
Kế toán trưởng

Ngày 11 tháng 8 năm 2011